

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG  
Số: 34 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hậu Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,**  
**quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**  
**KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định thời gian, biểu mẫu về tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Xét Tờ trình số 2793/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018, cụ thể như sau:

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018: 3.630.128 triệu đồng, trong đó:**

- |                                     |                       |
|-------------------------------------|-----------------------|
| a) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: | 281.970 triệu đồng.   |
| b) Thu nội địa:                     | 3.348.158 triệu đồng. |
| - Thu ngân sách trung ương hưởng:   | 375.831 triệu đồng.   |

- Thu ngân sách địa phương hưởng: 2.972.327 triệu đồng.

**2. Tổng thu - chi ngân sách địa phương năm 2018:**

a) Tổng thu ngân sách địa phương: 12.821.774 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách cấp tỉnh: 8.314.461 triệu đồng.

- Thu ngân sách cấp huyện: 3.961.555 triệu đồng.

- Thu ngân sách cấp xã: 545.758 triệu đồng.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 12.413.674 triệu đồng, trong đó:

- Chi ngân sách cấp tỉnh: 8.133.008 triệu đồng.

- Chi ngân sách cấp huyện: 3.766.236 triệu đồng.

- Chi ngân sách cấp xã: 514.430 triệu đồng.

c) Tổng chi trả nợ gốc của ngân sách cấp tỉnh: 111.062 triệu đồng.

**3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2018: 297.038 triệu đồng, trong đó:**

a) Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 70.391 triệu đồng.

b) Kết dư ngân sách cấp huyện: 195.319 triệu đồng.

c) Kết dư ngân sách cấp xã: 31.328 triệu đồng.

*(Đính kèm các Phụ lục chi tiết)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 14 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2019. / *vu*

**Nơi nhận:**

- VPQH: VPCP (HN, TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *vu*

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thanh Tạo**

## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018



Kính theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT       | Nội dung                                                             | Dự toán          | Quyết toán       | So sánh          |               |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|---------------|
|           |                                                                      |                  |                  | Tuyệt đối        | Tương đối (%) |
| A         | B                                                                    | 1                | 2                | 3=2-1            | 4=2/1         |
| <b>A</b>  | <b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>                                           | <b>8.143.875</b> | <b>9.272.642</b> | <b>1.128.767</b> | <b>113,86</b> |
| 1         | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp                                    | 2.378.300        | 2.972.327        | 594.027          | 124,98        |
| -         | Thu NSDP hưởng 100%                                                  | 2.378.300        | 2.972.327        | 594.027          | 124,98        |
| -         | Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia                            |                  |                  | -                | -             |
| 2         | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                                    | 3.712.662        | 3.891.969        | 179.307          | 104,83        |
| -         | Thu bổ sung cân đối ngân sách                                        | 2.362.540        | 2.362.540        | -                | 100,00        |
| -         | Thu bổ sung có mục tiêu                                              | 1.350.122        | 1.529.429        | 179.307          | 113,28        |
| 3         | Thu kết dư                                                           | 326.540          | 295.249          | (31.291)         | 90,42         |
| 4         | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang                            | 1.726.373        | 2.094.773        | 368.400          | 121,34        |
| 5         | Thu viện trợ và các khoản huy động, đóng góp                         |                  | 17.974           | 17.974           | -             |
| 6         | Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên                                    |                  | 350              | 350              | -             |
| <b>B</b>  | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                                 | <b>8.032.813</b> | <b>8.864.542</b> | <b>831.729</b>   | <b>110,35</b> |
| 1         | Chi đầu tư phát triển                                                | 3.735.251        | 2.959.481        | (775.770)        | 79,23         |
| 2         | Chi thường xuyên                                                     | 4.296.562        | 3.976.001        | (320.561)        | 92,54         |
| 3         | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính                                     | 1.000            | 1.000            | -                | 100,00        |
| 4         | Chi cho vay                                                          |                  | 5.500            | 5.500            | -             |
| 5         | Chi chuyển nguồn sang năm sau                                        |                  | 1.880.439        | 1.880.439        | -             |
| 6         | Chi nộp ngân sách cấp trên                                           |                  | 42.121           | 42.121           | -             |
| <b>C</b>  | <b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>                         |                  |                  | -                | -             |
| 1         | Bội chi ngân sách địa phương                                         |                  |                  | -                | -             |
| 2         | Bội thu ngân sách địa phương                                         | 111.062          | 111.062          | -                | 100,00        |
| 3         | Kế dư ngân sách địa phương                                           |                  | 297.038          | 297.038          | -             |
| <b>D</b>  | <b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>                                       |                  | <b>111.062</b>   | <b>111.062</b>   | -             |
| 1         | Từ nguồn vay để trả nợ gốc                                           |                  |                  | -                | -             |
| 2         | Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh | 111.062          | 111.062          | -                | 100,00        |
| <b>E</b>  | <b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>                                         | -                | -                | -                | -             |
| <b>I</b>  | <b>Vay để bù đắp bội chi</b>                                         |                  |                  | -                | -             |
| <b>II</b> | <b>Vay để trả nợ gốc</b>                                             |                  |                  | -                | -             |
| <b>G</b>  | <b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>                          | <b>175.624</b>   | <b>175.624</b>   | -                | <b>100,00</b> |

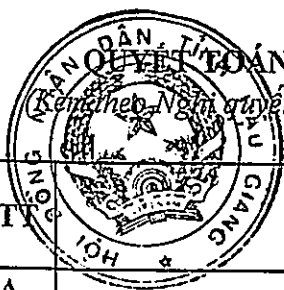
Biểu mẫu số 50

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2018**  
*(Xem theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)*

Đơn vị: Triệu đồng

| ST<br>T |                                                                                                      | Dự toán          |                  | Quyết toán       |                  | So sánh (%)      |               |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|---------------|
|         |                                                                                                      | Tổng thu<br>NSNN | Thu NSDP         | Tổng thu<br>NSNN | Thu NSDP         | Tổng thu<br>NSNN | Thu<br>NSDP   |
| A       |                                                                                                      | 1                | 2                | 3                | 4                | 5=3/1            | 6=4/2         |
|         | <b>TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)</b>                                                                 | <b>4.787.913</b> | <b>4.431.213</b> | <b>6.020.150</b> | <b>5.362.349</b> | <b>125,74</b>    | <b>121,01</b> |
| A       | <b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>                                                                         | <b>2.735.000</b> | <b>2.378.300</b> | <b>3.630.128</b> | <b>2.972.327</b> | <b>132,73</b>    | <b>124,98</b> |
| I       | <b>Thu nội địa</b>                                                                                   | <b>2.735.000</b> | <b>2.378.300</b> | <b>3.348.158</b> | <b>2.972.327</b> | <b>122,42</b>    | <b>124,98</b> |
| -       | Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất và Ghi thu ghi chi đồng thời thuê đất và xố số kiến thiết | 1.870.000        | 1.513.300        | 1.869.672        | 1.493.841        | 99,98            | 98,71         |
| 1       | Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý                       | 37.000           | 37.000           | 58.158           | 58.158           | 157,18           | 157,18        |
|         | - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước                                        | 35.800           | 35.800           | 57.137           | 57.137           | 159,60           | 159,60        |
|         | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                         | 1.200            | 1.200            | 1.021            | 1.021            | 85,08            | 85,08         |
| 2       | Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý                       | 25.000           | 25.000           | 18.894           | 18.894           | 75,58            | 75,58         |
|         | - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước                                        | 15.710           | 15.710           | 10.367           | 10.367           |                  |               |
|         | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                         | 9.000            | 9.000            | 8.014            | 8.014            | 89,04            | 89,04         |
|         | - Thuế tài nguyên                                                                                    | 290              | 290              | 513              | 513              | 176,90           | 176,90        |
| 3       | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                                                 | 100.000          | 100.000          | 118.516          | 118.516          | 118,52           | 118,52        |
|         | - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước                                        | 39.400           | 39.400           | 25.469           | 25.469           | 64,64            | 64,64         |
|         | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                         | 60.000           | 60.000           | 91.886           | 91.886           | 153,14           | 153,14        |
|         | - Thuế tài nguyên                                                                                    | 600              | 600              | 1.161            | 1.161            | 193,50           | 193,50        |
| 4       | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh                                                              | 700.000          | 700.000          | 677.083          | 672.377          | 96,73            | 96,05         |
|         | - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước                                        | 454.400          | 454.400          | 423.634          | 423.634          | 93,23            | 93,23         |
|         | - Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước                                       | 175.000          | 175.000          | 197.316          | 192.610          | 112,75           | 110,06        |
|         | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                         | 70.000           | 70.000           | 55.041           | 55.041           |                  |               |
|         | - Thuế tài nguyên                                                                                    | 600              | 600              | 1.092            | 1.092            | 182,00           | 182,00        |
| 5       | Thuế thu nhập cá nhân                                                                                | 235.500          | 235.500          | 231.692          | 231.692          | 98,38            | 98,38         |
| 6       | Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện                                                     | 494.000          | 183.800          | 502.626          | 186.990          | 101,75           | 101,74        |
|         | Trong đó: - Thu từ nhập khẩu bán ra trong nước                                                       | 310.200          |                  | 315.636          |                  | 101,75           | -             |
|         | - Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước                                                                | 183.800          | 183.800          | 186.990          | 186.990          | 101,74           | -             |
| 7       | Lệ phí trước bạ                                                                                      | 90.000           | 90.000           | 95.100           | 95.100           | 105,67           | 105,67        |
| 8       | Phí, lệ phí                                                                                          | 46.000           | 34.000           | 41.850           | 28.505           | 90,98            | 83,84         |
|         | Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan NNTW hưởng                                                         | 12.000           |                  | 13.345           |                  | 111,21           | -             |
|         | - Phí, lệ phí do cơ quan NNĐP hưởng                                                                  | 34.000           | 34.000           | 28.505           | 28.505           | 83,84            | 83,84         |
| 9       | Thuế sử dụng đất nông nghiệp                                                                         | -                | -                | 12               | 12               | -                | -             |
| 10      | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                                                                     | 500              | 500              | 1.298            | 1.298            | 259,60           | 259,60        |
| 11      | Thu tiền thuê đất, mặt nước                                                                          | 85.000           | 85.000           | 602.706          | 602.706          | 709,07           | 709,07        |

|     |                                                                                  |           |           |           |           |        |         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------|---------|
|     | <i>Trong đó: Ghi thu - ghi chi đồng thời</i>                                     | -         | -         | 568.055   | 568.055   | -      | -       |
| 12  | Tiền sử dụng đất                                                                 | 200.000   | 200.000   | 219.424   | 219.424   | 109,71 | 109,71  |
|     | <i>Trong đó: - Thực thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i> | 50.000    | 50.000    | 109.323   | 109.323   | 218,65 | 218,65  |
|     | <i>- Ghi thu - ghi chi do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i>  | 150.000   | 150.000   | 110.101   | 110.101   | 73,40  | 73,40   |
| 13  | Thu tiền cho thuê bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước                                | -         | -         | 1.330     | 1.330     | -      | -       |
| 14  | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)                        | 665.000   | 665.000   | 691.007   | 691.007   | 103,91 | 103,91  |
| 15  | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển                    | -         | -         | 819       | 819       | -      | -       |
| 16  | Thu khác ngân sách                                                               | 57.000    | 22.500    | 84.257    | 42.113    | 147,82 | 187,17  |
|     | <i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương hưởng</i>                           | 34.500    |           | 42.144    |           | 122,16 | #DIV/0! |
|     | <i>- Thu khác ngân sách địa phương hưởng</i>                                     | 22.500    | 22.500    | 42.113    | 42.113    | 187,17 | 187,17  |
| 17  | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác                             | -         | -         | 97        | 97        | -      | -       |
| 18  | Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN                     | -         | -         | 3.289     | 3.289     | -      | -       |
| II  | Thu từ dầu thô                                                                   | -         | -         | -         | -         | -      | -       |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu                                                  | -         | -         | 281.970   | -         | -      | -       |
| 1   | Thuế nhập khẩu                                                                   |           |           | 7.987     |           | -      | -       |
| 2   | Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu                                             |           |           | 273.498   |           | -      | -       |
| 3   | Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu                                            |           |           | 328       |           | -      | -       |
| 4   | Thu khác                                                                         |           |           | 157       |           | -      | -       |
| B   | <b>THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>                                               |           |           | -         | -         | -      | -       |
| C   | <b>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</b>                                                      | 326.540   | 326.540   | 295.249   | 295.249   | 90,42  | 90,42   |
| D   | <b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>                                 | 1.726.373 | 1.726.373 | 2.094.773 | 2.094.773 | 121,34 | 121,34  |



## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Kính gửi: Ngân quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                  | Dự toán          | Quyết toán       | So sánh (%)   |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------|
| A          | B                                                                                                                                                         | 1                | 2                | 3=2/1         |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                                                      | <b>8.032.813</b> | <b>8.864.542</b> | <b>110,35</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                              | <b>3.735.251</b> | <b>2.959.481</b> | <b>79,23</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Chi đầu tư cho các dự án</b>                                                                                                                           |                  | <b>2.958.481</b> |               |
|            | <i>Trong đó: Chi theo lĩnh vực</i>                                                                                                                        |                  |                  |               |
| 1.1        | Chi quốc phòng                                                                                                                                            |                  | 17.430           |               |
| 1.2        | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                     |                  | 7.551            |               |
| 1.1        | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                        |                  | 323.517          |               |
| 1.2        | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                 |                  | -                |               |
| 1.5        | Chi Y tế, dân số và gia đình                                                                                                                              |                  | 48.583           |               |
| 1.6        | Chi Văn hóa thông tin                                                                                                                                     |                  | 83.699           |               |
| 1.7        | Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                    |                  | 85.877           |               |
| 1.8        | Chi Thể dục thể thao                                                                                                                                      |                  | 12.439           |               |
| 1.9        | Chi Bảo vệ môi trường                                                                                                                                     |                  | 39.198           |               |
| 1.10       | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                 |                  | 1.753.058        |               |
| 1.11       | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể                                                                                            |                  | 577.628          |               |
| 1.12       | Chi Bảo đảm xã hội                                                                                                                                        |                  | 7.932            |               |
| 1.13       | Chi khác                                                                                                                                                  |                  | 1.569            |               |
| <b>2</b>   | <b>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động cung cấp sản phẩm; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương</b> | <b>1.000</b>     | <b>1.000</b>     |               |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                                                   | <b>4.296.562</b> | <b>3.976.001</b> | <b>92,54</b>  |
|            | <i>Trong đó:</i>                                                                                                                                          |                  |                  |               |
| 1          | <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>                                                                                                                 | <i>1.355.288</i> | <i>1.378.846</i> | <i>101,74</i> |
| 2          | <i>Chi khoa học và công nghệ</i>                                                                                                                          | <i>34.799</i>    | <i>15.988</i>    | <i>45,94</i>  |
| <b>III</b> | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                                                                                   | <b>1.000</b>     | <b>1.000</b>     |               |
| <b>IV</b>  | <b>Chi cho vay</b>                                                                                                                                        | <b>-</b>         | <b>5.500</b>     |               |
| <b>V</b>   | <b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>                                                                                                                         |                  | <b>42.121</b>    |               |
| <b>VI</b>  | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                                                                                                      |                  | <b>1.880.439</b> |               |

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2018**  
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                                                      | Dự toán           | Quyết toán        | So sánh          |               |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|------------------|---------------|
|            |                                                                                                                                                                                               |                   |                   | Tuyệt đối        | Tương đối (%) |
| A          | B                                                                                                                                                                                             | 1                 | 2                 | 3=2-1            | 4=2/1         |
|            | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                                                                                                                                                          | <b>10.942.391</b> | <b>12.413.674</b> | <b>1.471.283</b> | <b>113,45</b> |
| <b>A</b>   | <b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>                                                                                                                                                     | <b>2.909.578</b>  | <b>3.549.132</b>  | <b>639.554</b>   | <b>121,98</b> |
| 1          | Bổ sung cân đối                                                                                                                                                                               | 2.402.380         | 2.402.380         | -                | 100,00        |
| 2          | Bổ sung có mục tiêu                                                                                                                                                                           | 507.198           | 1.146.752         | 639.554          | 226,10        |
| <b>B</b>   | <b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC</b>                                                                                                                                                   | <b>8.032.813</b>  | <b>8.864.542</b>  | <b>831.729</b>   | <b>110,35</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                                                                  | <b>3.735.251</b>  | <b>2.959.481</b>  | <b>(775.770)</b> | <b>79,23</b>  |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án                                                                                                                                                                      | 3.734.251         | 2.958.481         | (775.770)        | 79,23         |
| -          | Chi quốc phòng                                                                                                                                                                                |                   | 17.430            |                  |               |
| -          | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                                                         |                   | 7.551             |                  |               |
| -          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            |                   | 323.517           |                  |               |
| -          | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     |                   | -                 |                  |               |
| -          | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                  |                   | 48.583            |                  |               |
| -          | Chi văn hóa thông tin                                                                                                                                                                         |                   | 83.699            |                  |               |
| -          | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                                                        |                   | 85.877            |                  |               |
| -          | Chi thể dục thể thao                                                                                                                                                                          |                   | 12.439            |                  |               |
| -          | Chi bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                         |                   | 39.198            |                  |               |
| -          | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                     |                   | 1.753.058         |                  |               |
| -          | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể                                                                                                                                |                   | 577.628           |                  |               |
| -          | Chi Bảo đảm xã hội                                                                                                                                                                            |                   | 7.932             |                  |               |
| -          | Chi khác                                                                                                                                                                                      |                   | 1.569             |                  |               |
| 2          | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | 1.000             | 1.000             | -                | 100,00        |
| 3          | Chi đầu tư phát triển khác                                                                                                                                                                    |                   |                   | -                | -             |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                                                                                       | <b>4.296.562</b>  | <b>3.976.001</b>  | <b>(320.561)</b> | <b>92,54</b>  |
| 1          | Chi quốc phòng                                                                                                                                                                                | 70.256            | 131.035           | 60.779           | 186,51        |
| 2          | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                                                         | 16.618            | 55.463            | 38.845           | 333,75        |
| 3          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 1.355.288         | 1.378.846         | 23.558           | 101,74        |
| 4          | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     | 34.799            | 15.988            | (18.811)         | 45,94         |
| 5          | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                  | 480.900           | 462.817           | (18.083)         | 96,24         |
| 6          | Chi văn hóa thông tin                                                                                                                                                                         | 35.329            | 44.484            | 9.155            | 125,91        |
| 7          | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                                                        | 15.508            | 23.289            | 7.781            | 150,17        |
| 8          | Chi thể dục thể thao                                                                                                                                                                          | 16.800            | 20.747            | 3.947            | 123,49        |
| 9          | Chi bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                         | 60.850            | 41.612            | (19.238)         | 68,38         |
| 10         | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                     | 484.459           | 465.881           | (18.578)         | 96,17         |
| 11         | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể                                                                                                                                | 801.676           | 897.549           | 95.873           | 111,96        |
| 12         | Chi Bảo đảm xã hội                                                                                                                                                                            | 222.335           | 338.644           | 116.309          | 152,31        |
| 13         | Chi khác                                                                                                                                                                                      | 66.652            | 99.646            | 32.994           | 149,50        |
| <b>IV</b>  | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                                                                                                                       | <b>1.000</b>      | <b>1.000</b>      | <b>-</b>         | <b>100,00</b> |
| <b>V</b>   | <b>Chi cho vay</b>                                                                                                                                                                            | <b>-</b>          | <b>5.500</b>      | <b>5.500</b>     | <b>-</b>      |
| <b>VI</b>  | <b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>                                                                                                                                                             | <b>-</b>          | <b>42.121</b>     | <b></b>          | <b></b>       |
| <b>VII</b> | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                                                                                                                                          | <b></b>           | <b>1.880.439</b>  | <b>1.880.439</b> | <b>-</b>      |

**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**  
**BAO GỒM CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018**  
*theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang*

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung (1)                                           | Dự toán năm 2018 | Bao gồm            |                  | Quyết toán       | Bao gồm            |                  | So sánh (%)          |                    |                 |  |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------------|------------------|--------------------|------------------|----------------------|--------------------|-----------------|--|
|     |                                                        |                  | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách huyện  |                  | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách huyện  | Ngân sách địa phương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách huyện |  |
| A   | B                                                      | 1=2+3            | 2                  | 3                | 4=5+6            | 5                  | 6                | 7=4/1                | 8=5/2              | 9=6/3           |  |
|     | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                   | <b>8.032.813</b> | <b>4.484.089</b>   | <b>3.548.724</b> | <b>8.864.542</b> | <b>5.060.440</b>   | <b>3.804.102</b> | <b>110,35</b>        | <b>112,85</b>      | <b>107,20</b>   |  |
| I   | Chi đầu tư phát triển                                  | 3.735.251        | 2.791.666          | 943.585          | 2.959.481        | 2.062.869          | 896.612          | 79,23                | 73,89              | 95,02           |  |
| 1   | Chi đầu tư cho các dự án                               | 3.734.251        | 2.790.666          | 943.585          | 2.958.481        | 2.061.869          | 896.612          | 79,23                | 73,88              | 95,02           |  |
| 2   | Chi đầu tư dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng       | 1.000            | 1.000              | -                | 1.000            | 1.000              | -                | 100,00               | 100,00             |                 |  |
| II  | Chi thường xuyên                                       | 4.294.743        | 1.689.604          | 2.605.139        | 3.976.001        | 1.336.716          | 2.639.285        | 92,58                | 79,11              | 101,31          |  |
|     | <i>Trong đó:</i>                                       |                  |                    |                  |                  |                    |                  |                      |                    |                 |  |
| 1   | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                     | 1.338.111        | 247.006            | 1.091.105        | 1.378.846        | 242.325            | 1.136.521        | 103,04               | 98,10              | 104,16          |  |
| 2   | Chi khoa học và công nghệ                              | 34.799           | 32.848             | 1.951            | 15.988           | 13.585             | 2.403            | 45,94                | 41,36              | 123,17          |  |
| III | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 1.819            | 1.819              |                  |                  |                    |                  |                      |                    |                 |  |
| IV  | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính                       | 1.000            | 1.000              |                  | 1.000            | 1.000              |                  | 100,00               | 100,00             |                 |  |
| V   | Chi cho vay                                            |                  |                    |                  | 5.500            | 3.200              | 2.300            |                      |                    |                 |  |
| VI  | Chi nộp ngân sách cấp trên                             | -                |                    |                  | 42.121           | 28.569             | 13.552           |                      |                    |                 |  |
| VII | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                   | <b>-</b>         |                    |                  | <b>1.880.439</b> | <b>1.628.086</b>   | <b>252.353</b>   |                      |                    |                 |  |

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018**  
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

| ST<br>T | Tên đơn vị                                            | Dự toán   |                       |                  |                                  |                                    | Quyết toán |                       |                  |                                  |                                    | So sánh (%)                |             |                                         |                       |                  |                                  |                                    |           |
|---------|-------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-------------|-----------------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------|
|         |                                                       | Tổng số   | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Tổng số    | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Chi nộp ngân sách cấp trên | Chi cho vay | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới |           |
| A       | B                                                     | 1=2+...+5 | 2                     | 3                | 4                                | 5                                  | 6=5+...+9  | 7                     | 8                | 9                                | 10                                 | 11                         |             |                                         | 12=6+100              | 13=7+100         | 14=8+100                         | 15=9+100                           | 16=10+100 |
|         | TỔNG SỐ                                               | 7.118.154 | 2.791.666             | 1.691.423        | 1.000                            | 2.634.065                          | 8.133.008  | 2.062.869             | 1.336.716        | 1.000                            | 3.072.568                          | 1.628.086                  | 3.200       | 28.569                                  | 114,26                | 73,89            | 79,03                            | 100,00                             | 116,65    |
| I       | Các cơ quan, tổ chức                                  | 4.483.089 | 2.791.666             | 1.691.423        | -                                | -                                  | 3.399.585  | 2.062.869             | 1.336.716        | -                                | -                                  | -                          | -           | -                                       | 75,83                 | 73,89            | 79,03                            |                                    |           |
|         |                                                       | 3.561.405 | 2.791.666             | 1.431.755        |                                  |                                    |            |                       |                  |                                  |                                    |                            |             |                                         |                       |                  |                                  |                                    |           |
| 1       | Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang            | 9.823     |                       | 9.823            |                                  |                                    | 9.794      | -                     | 9.794            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 99,70                 |                  | 99,70                            |                                    |           |
| 2       | Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang                         | 26.520    | 448                   | 26.072           |                                  |                                    | 26.270     | 448                   | 25.822           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 99,06                 | 100,00           | 99,04                            |                                    |           |
| 3       | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang | 201.403   | 109.109               | 92.294           |                                  |                                    | 183.385    | 96.844                | 86.541           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 91,05                 | 88,76            | 93,77                            |                                    |           |
| 4       | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang                  | 7.083     | 44                    | 7.039            |                                  |                                    | 6.732      | 44                    | 6.688            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 95,05                 | 100,00           | 95,02                            |                                    |           |
| 5       | Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang                             | 9.233     | 90                    | 9.143            |                                  |                                    | 8.626      | 30                    | 8.596            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 93,42                 | 33,33            | 94,02                            |                                    |           |
| 6       | Sở Công thương tỉnh Hậu Giang                         | 21.209    | 1.235                 | 19.974           |                                  |                                    | 20.542     | 1.103                 | 19.439           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 96,85                 | 89,31            | 97,32                            |                                    |           |
| 7       | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hậu Giang               | 35.457    |                       | 35.457           |                                  |                                    | 16.071     | -                     | 16.071           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 45,33                 |                  | 45,33                            |                                    |           |
| 8       | Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang                           | 9.426     |                       | 9.426            |                                  |                                    | 8.803      | -                     | 8.803            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 93,39                 |                  | 93,39                            |                                    |           |
| 9       | Sở Xây dựng                                           | 7.696     | 159                   | 7.537            |                                  |                                    | 7.406      | 73                    | 7.333            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 96,24                 | 45,91            | 97,30                            |                                    |           |
| 10      | Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hậu Giang                  | 50.690    | 22.697                | 27.993           |                                  |                                    | 42.940     | 15.597                | 27.343           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 84,71                 | 68,72            | 97,68                            |                                    |           |
| 11      | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hậu Giang                 | 222.807   | 26.342                | 196.465          |                                  |                                    | 208.893    | 17.614                | 191.279          |                                  |                                    |                            |             |                                         | 93,76                 | 66,87            | 97,36                            |                                    |           |
| 12      | Sở Y tế                                               | 276.874   | 1.106                 | 275.768          |                                  |                                    | 252.577    | 219                   | 252.358          |                                  |                                    |                            |             |                                         | 91,22                 | 19,80            | 91,51                            |                                    |           |
| 13      | Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang      | 48.186    |                       | 48.186           |                                  |                                    | 44.797     | -                     | 44.797           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 92,97                 |                  | 92,97                            |                                    |           |
| 14      | Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Hậu Giang         | 42.672    |                       | 42.672           |                                  |                                    | 41.434     | -                     | 41.434           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 97,10                 |                  | 97,10                            |                                    |           |
| 15      | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang            | 64.246    | 9.917                 | 54.329           |                                  |                                    | 82.484     | 31.019                | 51.465           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 128,39                | 312,79           | 94,73                            |                                    |           |
| 16      | Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang           | 7.950     | 1.780                 | 6.170            |                                  |                                    | 7.570      | 1.630                 | 5.940            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 95,22                 | 91,57            | 96,28                            |                                    |           |
| 17      | Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang                              | 19.053    | 4.569                 | 14.484           |                                  |                                    | 16.069     | 2.064                 | 14.005           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 84,34                 | 45,17            | 96,69                            |                                    |           |
| 18      | Thanh tra tỉnh Hậu Giang                              | 5.422     |                       | 5.422            |                                  |                                    | 5.411      | -                     | 5.411            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 99,80                 |                  | 99,80                            |                                    |           |
| 19      | Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Hậu Giang             | 48.536    | 34.959                | 13.577           |                                  |                                    | 85.329     | 73.352                | 11.977           |                                  |                                    |                            |             |                                         | 175,81                | 209,82           | 88,22                            |                                    |           |
| 20      | Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hậu Giang                   | 3.292     |                       | 3.292            |                                  |                                    | 3.034      | -                     | 3.034            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 92,15                 |                  | 92,15                            |                                    |           |
| 21      | Ban Dân tộc tỉnh Hậu Giang                            | 7.170     |                       | 7.170            |                                  |                                    | 5.170      | -                     | 5.170            |                                  |                                    |                            |             |                                         | 72,11                 |                  | 72,11                            |                                    |           |

| ST<br>T | Tên đơn vị                                                                  | Dự toán |                       |                  |                                  | Quyết toán                         |         |                       |                  |                                  |                                   | So sánh (%) |                            |         |                       |                  |                                  |                                    |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-------------|----------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|
|         |                                                                             | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách năm sau | Chi cho vay | Chi nộp ngân sách cấp trên | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới |
| 22      | Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Hậu Giang                              | 269.827 | 261.823               | 8.004            |                                  |                                    | 171.727 | 164.147               | 7.580            |                                  |                                   |             |                            | 63,64   | 62,69                 | 94,70            |                                  |                                    |
| 23      | Văn phòng Tỉnh ủy                                                           | 220.106 | 146.193               | 73.913           |                                  |                                    | 219.262 | 146.036               | 73.226           |                                  |                                   |             |                            | 99,62   | 99,89                 | 99,07            |                                  |                                    |
| 24      | Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Hậu Giang                             | 4.582   |                       | 4.582            |                                  |                                    | 4.567   | -                     | 4.567            |                                  |                                   |             |                            | 99,68   |                       | 99,68            |                                  |                                    |
| 25      | Tỉnh Đoàn Hậu Giang                                                         | 4.268   |                       | 4.268            |                                  |                                    | 4.257   | -                     | 4.257            |                                  |                                   |             |                            | 99,73   |                       | 99,73            |                                  |                                    |
| 26      | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hậu Giang                                         | 2.615   |                       | 2.615            |                                  |                                    | 2.613   | -                     | 2.613            |                                  |                                   |             |                            | 99,91   |                       | 99,91            |                                  |                                    |
| 27      | Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Hậu Giang                                        | 3.290   |                       | 3.290            |                                  |                                    | 3.282   | -                     | 3.282            |                                  |                                   |             |                            | 99,77   |                       | 99,77            |                                  |                                    |
| 28      | Hội Cựu chiến binh tỉnh Hậu Giang                                           | 2.495   |                       | 2.495            |                                  |                                    | 2.166   | -                     | 2.166            |                                  |                                   |             |                            | 86,80   |                       | 86,80            |                                  |                                    |
| 29      | Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang                       | 271     |                       | 271              |                                  |                                    | 270     | -                     | 270              |                                  |                                   |             |                            | 99,70   |                       | 99,70            |                                  |                                    |
| 30      | Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh Hậu Giang                               | 2.197   |                       | 2.197            |                                  |                                    | 1.865   | -                     | 1.865            |                                  |                                   |             |                            | 84,88   |                       | 84,88            |                                  |                                    |
| 31      | Hội Nhà báo tỉnh Hậu Giang                                                  | 528     |                       | 528              |                                  |                                    | 528     | -                     | 528              |                                  |                                   |             |                            | 99,98   |                       | 99,98            |                                  |                                    |
| 32      | Hội Luật gia tỉnh Hậu Giang                                                 | 420     |                       | 420              |                                  |                                    | 408     | -                     | 408              |                                  |                                   |             |                            | 97,18   |                       | 97,18            |                                  |                                    |
| 33      | Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Hậu Giang                                              | 1.970   |                       | 1.970            |                                  |                                    | 1.965   | -                     | 1.965            |                                  |                                   |             |                            | 99,72   |                       | 99,72            |                                  |                                    |
| 34      | Ban đại diện hội người cao tuổi tỉnh Hậu giang                              | 320     |                       | 320              |                                  |                                    | 320     | -                     | 320              |                                  |                                   |             |                            | 99,91   |                       | 99,91            |                                  |                                    |
| 35      | Hội Người mù tỉnh Hậu Giang                                                 | 421     |                       | 421              |                                  |                                    | 421     | -                     | 421              |                                  |                                   |             |                            | 100,02  |                       | 100,02           |                                  |                                    |
| 36      | Hội Nạn nhân Chất độc da cam/Dioxin tỉnh Hậu Giang                          | 317     |                       | 317              |                                  |                                    | 317     | -                     | 317              |                                  |                                   |             |                            | 99,87   |                       | 99,87            |                                  |                                    |
| 37      | Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Hậu Giang                                | 245     |                       | 245              |                                  |                                    | 244     | -                     | 244              |                                  |                                   |             |                            | 99,55   |                       | 99,55            |                                  |                                    |
| 38      | Hội Bảo trợ Người tàn tật - Bệnh nhân nghèo và Trẻ mồ côi tỉnh Hậu Giang    | 420     |                       | 420              |                                  |                                    | 410     | -                     | 410              |                                  |                                   |             |                            | 97,65   |                       | 97,65            |                                  |                                    |
| 39      | Hội Khuyến học tỉnh Hậu Giang                                               | 449     |                       | 449              |                                  |                                    | 433     | -                     | 433              |                                  |                                   |             |                            | 96,53   |                       | 96,53            |                                  |                                    |
| 40      | Quản sự tỉnh                                                                | 54.892  |                       | 54.892           |                                  |                                    | 54.892  | -                     | 54.892           |                                  |                                   |             |                            | 100,00  |                       | 100,00           |                                  |                                    |
| 41      | Công an tỉnh                                                                | 14.233  |                       | 14.233           |                                  |                                    | 14.233  | -                     | 14.233           |                                  |                                   |             |                            | 100,00  |                       | 100,00           |                                  |                                    |
| 42      | Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang                                             | 13.798  |                       | 13.798           |                                  |                                    | 12.839  | -                     | 12.839           |                                  |                                   |             |                            | 93,05   |                       | 93,05            |                                  |                                    |
| 43      | Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hậu Giang                                       | 1.657   |                       | 1.657            |                                  |                                    | 1.300   | -                     | 1.300            |                                  |                                   |             |                            | 78,46   |                       | 78,46            |                                  |                                    |
| 44      | Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang                                       | 355     |                       | 355              |                                  |                                    | 355     | -                     | 355              |                                  |                                   |             |                            | 100,00  |                       | 100,00           |                                  |                                    |
| 45      | Khu Bảo tồn thiên nhiên Lũng Ngạc Hoàng                                     | 10.700  |                       | 10.700           |                                  |                                    | 10.665  | -                     | 10.665           |                                  |                                   |             |                            | 99,67   |                       | 99,67            |                                  |                                    |
| 46      | Ban QLDA BTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang | 90.288  | 89.000                | 1.288            |                                  |                                    | 7.632   | 6.472                 | 1.160            |                                  |                                   |             |                            | 8,45    | 7,27                  | 90,06            |                                  |                                    |
| 47      | Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang                | 2.478   |                       | 2.478            |                                  |                                    | 2.351   | -                     | 2.351            |                                  |                                   |             |                            | 94,86   |                       | 94,86            |                                  |                                    |
| 48      | Quy thi đua khen thưởng tỉnh Hậu Giang                                      | 11.668  |                       | 11.668           |                                  |                                    | 11.668  | -                     | 11.668           |                                  |                                   |             |                            | 100,00  |                       | 100,00           |                                  |                                    |

| ST<br>T | Tên đơn vị                                                                          | Dự toán |                       |                  |                                  | Quyết toán                         |         |                       |                  |                                  |                                    | So sánh (%)                             |             |                            |         |                       |                  |                                  |                                    |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|
|         |                                                                                     | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | Chi cho vay | Chi nộp ngân sách cấp trên | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới |
| 49      | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang | 845.593 | 841.523               | 4.070            |                                  |                                    | 845.593 | 841.523               | 4.070            |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     | 100,00  | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 50      | Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Hậu Giang                                    | 4.103   |                       | 4.103            |                                  |                                    | 4.103   | -                     | 4.103            |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 51      | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình đô thị Hậu Giang                        | 49.680  | 24.000                | 25.680           |                                  |                                    | 7.143   | 1.000                 | 6.143            |                                  |                                    |                                         |             | 14,38                      | 4,17    | 23,92                 |                  |                                  |                                    |
| 52      | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Hậu Giang              | 547.773 | 547.633               | 140              |                                  |                                    | 547.773 | 547.633               | 140              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     | 100,00  | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 53      | Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Hậu Giang                                            | 17.245  |                       | 17.245           |                                  |                                    | 14.357  | -                     | 14.357           |                                  |                                    |                                         |             | 83,25                      |         | 83,25                 |                  |                                  |                                    |
| 54      | Ban An toàn giao thông tỉnh Hậu Giang                                               | 7.614   |                       | 7.614            |                                  |                                    | 7.452   | -                     | 7.452            |                                  |                                    |                                         |             | 97,88                      |         | 97,88                 |                  |                                  |                                    |
| 55      | Cục thuế tỉnh Hậu Giang                                                             | 6.429   |                       | 6.429            |                                  |                                    | 6.429   | -                     | 6.429            |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 56      | Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang                                                      | 644     |                       | 644              |                                  |                                    | 644     | -                     | 644              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 57      | Bảo hiểm xã hội tỉnh Hậu Giang                                                      | 219.631 |                       | 219.631          |                                  |                                    | 219.631 | -                     | 219.631          |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 58      | Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang                                     | 162     |                       | 162              |                                  |                                    | 162     | -                     | 162              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 59      | Kho bạc nhà nước Hậu Giang                                                          | 876     |                       | 876              |                                  |                                    | 876     | -                     | 876              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 60      | Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang                                     | 115     |                       | 115              |                                  |                                    | 115     | -                     | 115              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 61      | Trường Trung cấp luật Vị Thanh                                                      | 19      |                       | 19               |                                  |                                    | 19      | -                     | 19               |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 62      | Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hậu Giang                                               | 4       |                       | 4                |                                  |                                    | 4       | -                     | 4                |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 63      | Văn phòng Cục thống kê tỉnh Hậu Giang                                               | 126     |                       | 126              |                                  |                                    | 126     | -                     | 126              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 64      | Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Hậu Giang                                     | 3.000   |                       | 3.000            |                                  |                                    | 3.000   | -                     | 3.000            |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 65      | Quỹ Hỗ trợ nông dân                                                                 | 500     |                       | 500              |                                  |                                    | 500     | -                     | 500              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 66      | Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Hậu Giang                                                 | 9.265   |                       | 9.265            |                                  |                                    | 9.265   | -                     | 9.265            |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 67      | Ngân hàng NN&PTNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang                                          | 135     |                       | 135              |                                  |                                    | 135     | -                     | 135              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 68      | Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang                                                   | 7.697   | 7.023                 | 674              |                                  |                                    | 1.842   | 1.168                 | 674              |                                  |                                    |                                         |             | 23,93                      | 16,63   | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 69      | Tướng tánn xã Việt Nam tại tỉnh Hậu Giang                                           | 2       |                       | 2                |                                  |                                    | 2       | -                     | 2                |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 70      | Trại giam Kênh 5                                                                    | 49      |                       | 49               |                                  |                                    | 49      | -                     | 49               |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 71      | Viện thông Hậu Giang                                                                | 869     |                       | 869              |                                  |                                    | 869     | -                     | 869              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 72      | Công ty Điện lực tỉnh Hậu Giang                                                     | 292     |                       | 292              |                                  |                                    | 292     | -                     | 292              |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 73      | Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt Chính nhánh Hậu Giang                                  | 6       |                       | 6                |                                  |                                    | 6       | -                     | 6                |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 74      | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hậu Giang                                              | 19      |                       | 19               |                                  |                                    | 19      | -                     | 19               |                                  |                                    |                                         |             | 100,00                     |         | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 75      | Các nhiệm vụ chi khác                                                               | 806.831 | 547.163               | 259.668          |                                  |                                    |         |                       |                  |                                  |                                    |                                         |             |                            |         |                       |                  |                                  |                                    |

| ST<br>T | Tên đơn vị                                                              | Dự toán |                       |                  |                                  |                                    | Quyết toán |                       |                  |                                  |                                    | So sánh (%) |                       |                  |                                  | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------|-----------------------|------------------|----------------------------------|------------------------------------|
|         |                                                                         | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Tổng số    | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Tổng số     | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính |                                    |
| 76      | Ghi chi tiền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng | 18.175  | 18.175                |                  |                                  |                                    | 18.175     | 18.175                |                  | -                                |                                    | 100,00      | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 77      | Ghi chi tiền cho thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát | 805     | 805                   |                  |                                  |                                    | 805        | 805                   |                  | -                                |                                    | 100,00      | 100,00                |                  |                                  |                                    |
| 78      | Ghi chi tiền cho thuê đất cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Vũ Anh      | 10.993  | 10.993                |                  |                                  |                                    | 10.993     | 10.993                |                  |                                  |                                    | 100,00      | 100,00                |                  |                                  |                                    |

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TUNG HUYỆN 2018**  
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT     |                    | Tên đơn vị | Dự toán   |                       | Quyết toán       |                       |                  |                       |         |                  |                               |             |                               |                            | So sánh (%) |                       |                  |        |
|---------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|---------|------------------|-------------------------------|-------------|-------------------------------|----------------------------|-------------|-----------------------|------------------|--------|
|         |                    |            | Tổng số   | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi đầu tư phát triển |                  |                       | Tổng số | Trong đó         |                               | Chi cho vay | Chi chuyển nguồn sang năm sau | Chi nộp ngân sách cấp trên | Tổng số     | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên |        |
|         |                    |            |           |                       |                  | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi đầu tư phát triển |         | Chi thường xuyên | Chi khoa học và công nghệ (3) |             |                               |                            |             |                       |                  |        |
|         |                    |            |           |                       |                  |                       |                  |                       |         |                  |                               |             |                               |                            |             |                       |                  |        |
| 1       | 2                  | 3          | 4         | 5                     | 6                | 7                     | 8                | 9                     | 10      | 11               | 12                            | 13          | 14=4/1*1                      | 15=5/2*1                   | 16=8/3*1    |                       |                  |        |
| TỔNG SỐ |                    |            | 3.548.724 | 943.585               | 2.605.139        | 3.804.102             | 896.612          | 244.574               | -       | 2.639.285        | 1.136.521                     | 2.403       | 2.300                         | 252.353                    | 13.552      | 107,20                | 95,02            | 101,31 |
| 1       | Thành phố Vị Thanh | 496.726    | 145.039   | 351.687               | 573.247          | 169.110               | 25.859           | -                     | 327.643 | 118.830          | 192                           | 300         | 62.815                        | 13.379                     | 115,41      | 116,60                | 93,16            |        |
| 2       | Huyện Châu Thành A | 381.958    | 71.046    | 310.912               | 405.006          | 83.440                | 41.489           | -                     | 306.536 | 130.403          | 460                           | 1.000       | 14.030                        | -                          | 106,03      | 117,45                | 98,59            |        |
| 3       | Huyện Châu Thành   | 404.418    | 144.055   | 260.363               | 355.121          | 87.363                | 36.502           | -                     | 249.569 | 111.433          | 452                           | 200         | 17.989                        | -                          | 87,81       | 60,65                 | 95,85            |        |
| 4       | Huyện Phụng Hiệp   | 682.821    | 157.292   | 525.529               | 728.873          | 108.137               | 50.274           | -                     | 580.599 | 282.532          | 425                           | 500         | 39.637                        | -                          | 106,74      | 68,75                 | 110,48           |        |
| 5       | Thị xã Ngã Bảy     | 330.013    | 114.585   | 215.428               | 442.725          | 176.491               | 11.216           | -                     | 236.599 | 88.186           | 159                           | 300         | 29.335                        | -                          | 134,15      | 154,03                | 109,83           |        |
| 6       | Huyện Vị Thùy      | 412.955    | 84.443    | 328.512               | 418.336          | 48.417                | 19.272           | -                     | 331.272 | 143.553          | 244                           | -           | 38.647                        | -                          | 101,30      | 57,34                 | 100,84           |        |
| 7       | Huyện Long Mỹ      | 472.918    | 127.185   | 345.733               | 481.465          | 127.289               | 38.372           | -                     | 332.703 | 147.865          | 281                           | -           | 21.473                        | -                          | 101,81      | 100,08                | 96,23            |        |
| 8       | Thị xã Long Mỹ     | 366.915    | 99.940    | 266.975               | 399.329          | 96.365                | 21.590           | -                     | 274.364 | 113.719          | 190                           | -           | 28.427                        | 173                        | 108,83      | 96,42                 | 102,77           |        |

**QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2018**  
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tên đơn vị         | Dự toán   |                           |                     |                | Quyết toán |                           |                     |                | So sách (%) |                           |                     |                |                |        |         |
|-----|--------------------|-----------|---------------------------|---------------------|----------------|------------|---------------------------|---------------------|----------------|-------------|---------------------------|---------------------|----------------|----------------|--------|---------|
|     |                    | Tổng số   | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                | Tổng số    | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                | Tổng số     | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                |                |        |         |
|     |                    |           |                           | Tổng số             | Vốn ngoài nước |            |                           | Vốn ngoài nước      | Vốn trong nước |             |                           | Tổng số             | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước |        |         |
|     |                    |           |                           |                     |                |            |                           |                     |                |             |                           |                     |                |                |        |         |
| A   | B                  | 1         | 2                         | 3=4+5               | 4              | 5          | 6                         | 7                   | 8=9+10         | 9           | 10                        | 11=6/1              | 12=7/2         | 13=8/3         | 14=9/4 | 15=10/5 |
|     | TỔNG SỐ            | 2.634.065 | 2.126.867                 | 507.198             | 507.198        | -          | 3.072.568                 | 2.126.867           | 945.701        | 945.701     | -                         | 116,65              | 100,00         | 186,46         | 186,46 | -       |
| 1   | Thành phố Vị Thanh | 301.103   | 187.183                   | 113.920             | 113.920        | -          | 396.245                   | 187.183             | 209.062        | 209.062     | -                         | 131,60              | 100,00         | 183,52         | 183,52 | -       |
| 2   | Huyện Châu Thành A | 269.181   | 227.330                   | 41.851              | 41.851         | -          | 303.779                   | 227.330             | 76.449         | 76.449      | -                         | 112,85              | 100,00         | 182,67         | 182,67 | -       |
| 3   | Huyện Châu Thành   | 266.287   | 196.388                   | 69.899              | 69.899         | -          | 293.758                   | 196.388             | 97.370         | 97.370      | -                         | 110,32              | 100,00         | 139,30         | 139,30 | -       |
| 4   | Huyện Phụng Hiệp   | 572.921   | 467.351                   | 105.570             | 105.570        | -          | 625.643                   | 467.351             | 158.292        | 158.292     | -                         | 109,20              | 100,00         | 149,94         | 149,94 | -       |
| 5   | Thị xã Ngã Bảy     | 245.629   | 192.510                   | 53.119              | 53.119         | -          | 375.801                   | 192.510             | 183.291        | 183.291     | -                         | 153,00              | 100,00         | 345,06         | 345,06 | -       |
| 6   | Huyện Vị Thủy      | 341.880   | 298.556                   | 43.324              | 43.324         | -          | 373.325                   | 298.556             | 74.769         | 74.769      | -                         | 109,20              | 100,00         | 172,58         | 172,58 | -       |
| 7   | Huyện Long Mỹ      | 349.638   | 304.249                   | 45.389              | 45.389         | -          | 394.164                   | 304.249             | 89.915         | 89.915      | -                         | 112,73              | 100,00         | 198,10         | 198,10 | -       |
| 8   | Thị xã Long Mỹ     | 287.426   | 253.300                   | 34.126              | 34.126         | -          | 309.853                   | 253.300             | 56.553         | 56.553      | -                         | 107,80              | 100,00         | 165,72         | 165,72 | -       |



[illegible]







| STT | Nội dung | Đợt 1/2024 |             |                                                      |             |           |             |                                                      |             |           |             | Đợt 2/2024 |             |                                                      |             |           |             |                                                      |             |           |             | Đợt 3/2024 |             |                                                      |             |           |             |           |             |  |  | Số báo (th) |
|-----|----------|------------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------|------------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------|------------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------|-----------|-------------|--|--|-------------|
|     |          | Trang 6/8  |             | Chương trình nghị sự quốc gia và nghị quyết của Đảng |             |           |             | Chương trình nghị sự quốc gia và nghị quyết của Đảng |             |           |             | Trang 6/8  |             | Chương trình nghị sự quốc gia và nghị quyết của Đảng |             |           |             | Chương trình nghị sự quốc gia và nghị quyết của Đảng |             |           |             | Trang 6/8  |             | Chương trình nghị sự quốc gia và nghị quyết của Đảng |             |           |             | Trang 6/8 |             |  |  |             |
|     |          | Trang 6/8  | Số báo (th) | Trang 6/8                                            | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) | Trang 6/8                                            | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) | Trang 6/8  | Số báo (th) | Trang 6/8                                            | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) | Trang 6/8                                            | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) | Trang 6/8  | Số báo (th) | Trang 6/8                                            | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) | Trang 6/8 | Số báo (th) |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 119         | 119       | 119         |  |  |             |
|     |          | 119        | 119         | 119                                                  | 119         | 119       | 1           |                                                      |             |           |             |            |             |                                                      |             |           |             |                                                      |             |           |             |            |             |                                                      |             |           |             |           |             |  |  |             |